



★ ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG I — SỐ 1

Thời gian: 45 phút — Thang điểm 10

Họ và tên: Lớp:

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ điểm	40% (4,0đ)	30% (3,0đ)	20% (2,0đ)	10% (1,0đ)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (12 câu $\times$ 0,25đ = 3,0 điểm)

Câu 1. Trong các câu sau, câu nào là một mệnh đề?

- A) Trời hôm nay đẹp quá!
- B) Bạn tên là gì?
- C) 9 là số nguyên tố.
- D) Hãy học bài đi!

Câu 2. Phủ định của mệnh đề “ $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \geq 0$ ” là

- A) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 < 0$.
- B) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 < 0$.
- C) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 \leq 0$.
- D) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 > 0$.

Câu 3. Cho $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 4\}$. Khi đó tập A là

- A) $\{0; 1; 2; 3\}$.
- B) $\{1; 2; 3\}$.
- C) $\{0; 1; 2; 3; 4\}$.
- D) $\{1; 2; 3; 4\}$.

Câu 4. Tập $\{x \in \mathbb{R} \mid -1 \leq x < 5\}$ được viết là

- A) $[-1; 5)$.
- B) $(-1; 5]$.
- C) $[-1; 5]$.
- D) $(-1; 5)$.

Câu 5. Cho $A = \{1; 2; 3; 4\}$, $B = \{2; 4; 6\}$. Tập $A \cap B$ là

- A) $\{2; 4\}$.
- B) $\{1; 3\}$.
- C) $\{2; 4; 6\}$.
- D) $\{1; 2; 3; 4; 6\}$.

Câu 6. Cho $A = [-1; 3]$, $B = [2; 5]$. Tập $A \cup B$ là

- A) $[-1; 5]$.
- B) $[2; 3]$.
- C) $[-1; 2]$.
- D) $[3; 5]$.

Câu 7. Cho $A = (-2; 4)$, $B = [1; +\infty)$. Tập $A \setminus B$ là

- A) $(-2; 1)$.



- (-2; 1].
 C) [1; 4).
 D) (-2; 4).

Câu 8. Cho $A = [2; +\infty)$. Tập $C_{\mathbb{R}}A$ là

- A) $(-\infty; 2)$.
 B) $(-\infty; 2]$.
 C) $(2; +\infty)$.
 D) $(-\infty; -2)$.

Câu 9. Tập $\{a; b; c; d\}$ có tất cả bao nhiêu tập con?

- A) 16.
 B) 8.
 C) 12.
 D) 4.

Câu 10. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào *đúng*?

- A) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 > 0$.
 B) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 = 2$.
 C) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \geq x$.
 D) $\exists n \in \mathbb{N}, n < 0$.

Câu 11. Cho $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 - 5x + 6 = 0\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 - 4 = 0\}$. Tập $A \cap B$ là

- A) $\{2\}$.
 B) $\{2; 3\}$.
 C) $\{-2; 2; 3\}$.
 D) $\{3\}$.

Câu 12. Lớp có 40 học sinh: 25 em thích Toán, 20 em thích Văn, 10 em thích cả hai môn. Số em thích ít nhất một trong hai môn là

- A) 35.
 B) 45.
 C) 30.
 D) 55.

PHẦN II. ĐÚNG/SAI (3 câu $\times$ 1,0đ = 3,0 điểm)

Câu 1. Xét tính đúng, sai của mỗi mệnh đề:

- a) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 + 1 > 0$. b) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 = -1$. c) Phủ định của “ $\forall x \in \mathbb{R}, x > 0$ ” là “ $\exists x \in \mathbb{R}, x \leq 0$ ”.
 d) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \geq 2x - 1$.

Câu 2. Cho $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$, $B = \{0; 2; 4; 6\}$. Xét tính đúng, sai:

- a) $A \cap B = \{0; 2; 4\}$. b) $A \cup B = \{0; 1; 2; 3; 4; 6\}$. c) $A \setminus B = \{1; 3\}$. d) $B \setminus A = \{6; 8\}$.

Câu 3. Cho $A = (-3; 2]$, $B = [0; 5)$. Xét tính đúng, sai:

- a) $A \cap B = [0; 2]$. b) $A \cup B = (-3; 5)$. c) $A \setminus B = (-3; 0)$. d) $B \setminus A = [2; 5)$.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN (4 câu $\times$ 1,0đ = 4,0 điểm)

Câu 1. Cho $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 < x \leq 2\}$. Tập A có bao nhiêu phần tử?

Câu 2. Cho $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là ước của } 8\}$. Tập A có bao nhiêu tập con gồm đúng 2 phần tử?



3. Một trường có 100 học sinh: 60 em thích bóng đá, 45 em thích bóng chuyền, 20 em thích cả hai môn. Có bao nhiêu em không thích môn nào trong hai môn đó?

Câu 4. Cho $A = [m; m + 3]$, $B = [1; 6]$. Có bao nhiêu giá trị nguyên của m để $A \subset B$?